

Bản án số: 136/2021/HSST

Ngày 27-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Ông Nguyễn Thanh Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 156/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy T, sinh năm 1976, tại tỉnh Thái Bình; hộ khẩu thường trú: Thôn PC, xã VH, huyện VT, tỉnh Thái Bình; tạm trú: Căn C6-101 khu nhà ở xã hội Becamex, khu phố 6, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Duy T1, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1948; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1978 và có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

2. Trần Ngọc K, sinh năm 1974, tại tỉnh Hà Nam; hộ khẩu thường trú: Tổ 18B, khu phố 2, phường MP, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông Trần Ngọc K1, sinh năm 1941 và bà Trần Thị H, sinh năm 1949 (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1992 và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/10/1997, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt Trần Ngọc K 07 năm tù về tội: “Cướp giật tài sản công dân” theo Bản án số 91/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 09/9/2003 và phần án phí.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 05 phút ngày 07/01/2021, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy Công an thị xã Bến Cát phối hợp với Công an phường Mỹ Phước tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn phế liệu Ngọc K, địa chỉ trụ sở: Số 562, tổ 18B, khu phố 2, phường MP, thị xã BC, tỉnh Bình Dương (gọi tắt là Công ty Ngọc K) do Trần Ngọc K làm Giám đốc. Quá trình kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện Công ty Ngọc K không còn hoạt động kinh doanh phế liệu, nhưng trong khuôn viên của Công ty có tầng trũ 64 (sáu mươi bốn) hộp gỗ xẻ, tổng khối lượng 7,438m³ (bảy khối bốn ba tám). K khai nhận số gỗ này là gỗ Gõ mật của Nguyễn Duy T gửi nhờ. Lực lượng Công an tiến hành lập biên bản thu giữ gỗ trên.

Quá trình điều tra, Trần Ngọc K và Nguyễn Duy T khai nhận: K và T là bạn bè với nhau và cùng góp vốn mở quán karaoke gia đình 669 cạnh đường TC1, khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. K và Đậu Văn L (sinh năm 1972; HKTT: Ấp TL, xã АД, thị xã BC, tỉnh Bình Dương) là bạn bè với nhau được khoảng 20 năm.

Trần Ngọc K là người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn phế liệu Ngọc K, địa chỉ trụ sở: Số 562, tổ 18B, khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Công ty của K đã ngưng hoạt động được khoảng 02 năm nay. Địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty đồng thời là địa chỉ nơi cư trú của K nên khi Công ty ngưng hoạt động thì K sử dụng địa điểm vào mục đích, nhu cầu sinh hoạt đời thường.

Khoảng tháng 11/2020, L đến quán karaoke gia đình 669 hỏi K có mua gỗ Lim xanh không nhưng K chưa trả lời. Sau đó, K đến xưởng gỗ của L thuộc ấp TL, xã АД, thị xã BC, tỉnh Bình Dương để xem gỗ. L chỉ cho K xem 01 đồng gỗ Lim xanh nhưng do gỗ mỏng nên K không mua. L tiếp tục chỉ cho K xem 02 hai đồng gỗ Gõ mật và nhờ K tìm người mua số gỗ này giúp cho L. Khoảng 02 ngày sau, L tiếp tục đến quán karaoke gia đình 669 và nhờ K tìm người mua số gỗ Gõ mật của L. Thời điểm này, T đang có mặt tại quán nên K hỏi T có muốn mua gỗ Gõ mật của L không nhưng T không trả lời.

Đến cuối tháng 11/2020, T đi làm công trình tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Do cần gỗ để làm đồ nội thất nên T gọi điện thoại cho K nói T muốn mua gỗ Gõ mật của L và nhờ K đi kiểm tra gỗ giùm. Sau đó, K nhờ chú họ của mình là ông Trần Doanh N (Sinh năm: 1977; HKTT: Thôn 6, xã VB, huyện BL, tỉnh Hà Nam) làm nghề thợ mộc đến xưởng gỗ của L xem gỗ thì được L dẫn đi xem 02 đồng gỗ xẻ hộp. Sau khi đục một phần gỗ nhỏ ra xem, ông N nói cho K biết 02 đồng gỗ xẻ hộp này đúng là gỗ Gõ mật. Lúc này, L nói với K là 02 đồng gỗ Gõ mật có khối lượng 8,2m³, với giá bán là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Sau đó, K gọi điện thoại thông báo cho T kết quả kiểm tra gỗ, khối lượng và giá cho T biết. T đồng ý mua gỗ của L và nhờ K trực tiếp giao dịch mua gỗ, chở về để tại kho của Công ty Ngọc K. Mọi giao dịch và thỏa thuận giữa T và K với L đều bằng lời nói, không ký kết văn bản.

Trong tháng 12/2020, T đã chuyển khoản một số tiền tài khoản số 0841000062732 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) do T làm chủ tài khoản đến tài khoản số 2397999999 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội (SHB) do K làm chủ tài khoản, và kêu K đến gặp ông Đặng Văn V (sinh năm 1989; HKTT: Xóm 2, thôn SG, xã NS, huyện HH, tỉnh Bắc Giang) là người hùn vốn kinh doanh với T lấy phần tiền còn lại để trả tiền gỗ cho L. Ông V không biết việc T kêu đưa tiền cho K là để mua gỗ Gõ mật.

Sau khi nhận tiền của T, K đã trả tiền mua gỗ cho L 04 lần, với tổng số tiền là 120.000.000 đồng, nhưng không làm biên nhận và không có người chứng kiến. Sau đó, L thuê người vận chuyển 64 (sáu mươi bốn) hộp gỗ Gõ mật đến nhà kho trong vườn của K.

Đậu Văn L khai: Trong tháng 10/2020, L có bán gỗ Tràm cho K với số tiền là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) nhưng 02 bên không làm giấy tờ mua bán gỗ. L cho rằng lời khai của T và K về việc L bán 64 (sáu mươi bốn) hộp gỗ Gõ mật cho K, T là không đúng.

Theo Kết luận giám định tư pháp số 20/KLGD-SHND của Viện Sinh học Nhiệt đới thuộc Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam kết luận: 64 (sáu mươi bốn) hộp gỗ là gỗ Gõ mật – *Sindora cochinchinensis* Baill thuộc nhóm IIA Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Số lượng: 64 (sáu mươi bốn) hộp gỗ xẻ, tổng khối lượng: 7,438 m³ (bảy phẩy bốn ba tám mét khối), quy tròn: 11,901 m³ (mười một phẩy chín không một mét khối).

Tại bản Cáo trạng số 155/CT-VKS ngày 09/8/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo: Nguyễn Duy T và Trần Ngọc K về tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cụ thể Trần Ngọc K đã sử dụng địa điểm do mình làm chủ để cùng giúp sức cho Nguyễn Duy T tàng trữ 64 (sáu mươi bốn) hộp gỗ xẻ, tổng khối lượng: 7,438 m³ (bảy phẩy bốn ba tám mét khối), quy tròn: 11,901 m³ (mười một phẩy chín không một mét khối).

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị như sau:

- Đề nghị áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Duy T, xử phạt bị cáo T số tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

- Đề nghị áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối

với bị cáo Trần Ngọc K, xử phạt bị cáo K số tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp Ngân sách toàn bộ vật chứng đã thu giữ gồm: 64 (sáu mươi bốn) hộp gỗ Gõ mật, tổng khối lượng: $7,438\text{m}^3$ (bảy phẩy bốn ba tám mét khối), quy tròn: $11,901\text{m}^3$ (mười một phẩy chín không một mét khối).

* Các bị cáo Nguyễn Duy T và Trần Ngọc K đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và thừa nhận hành vi của mình như lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong phần tranh luận, tất cả các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện: Vào lúc 11 giờ 05 phút ngày 07/01/2021 tại nhà kho của K đồng thời là tại địa chỉ của Công ty trách nhiệm hữu hạn phế liệu Ngọc K: Số 562, tổ 18B, khu phố 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, lực lượng Công an phát hiện Trần Ngọc K có hành vi tàng trữ trái phép 64 (sáu mươi bốn) hộp gỗ Gõ mật, tổng khối lượng: $7,438\text{ m}^3$ (bảy phẩy bốn ba tám mét khối), quy tròn: $11,901\text{ m}^3$ (mười một phẩy chín không một mét khối). Đây là khối lượng gỗ mà Nguyễn Duy T nhờ Trần Ngọc K mua và cất giữ giùm trong tháng 12/2020, nhằm mục đích để T làm đồ nội thất phục vụ công việc kinh doanh của T.

Theo Kết luận giám định tư pháp số 20/KLGD-SHNĐ của Viện Sinh học Nhiệt đới thuộc Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam kết luận: 64 (sáu mươi bốn) hộp gỗ có tổng khối lượng: $7,438\text{ m}^3$ (bảy phẩy bốn ba tám mét khối), quy tròn: $11,901\text{ m}^3$ (mười một phẩy chín không một mét khối). Đây là gỗ Gõ mật – *Sindora cochinchinensis* Baill thuộc nhóm IIA Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Duy T và Trần Ngọc K đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, bản Cáo trạng số 155/CT-VKSBC ngày 09/8/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Hành vi tàng trữ trái phép các loại gỗ, lâm sản quý cũng là có quan hệ nhân quả với sự tàn phá rừng, gây ra những hậu quả nghiêm trọng ảnh hưởng đến tự nhiên, xã hội và con người, đặc biệt phải kể đến là nạn lũ lụt, xói mòn đất. Về nhận thức, các bị cáo biết rõ hành vi tàng trữ trái phép gỗ quý Gỗ mật – *Sindora cochinchinensis* Baill là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Xét mục đích, động cơ phạm tội của các bị cáo là vì lòng tham, tư lợi nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Xét tính chất đồng phạm: Các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn không có sự cấu kết hay phân chia vai trò cụ thể của mỗi người. Bị cáo T là người đứng ra nhờ bị cáo K mua gỗ, bị cáo K đã có hành vi tích cực giúp sức cho bị cáo T: Mua gỗ giúp, cho T sử dụng địa điểm của mình để tàng trữ số gỗ quý mà T đã nhờ K mua. Xét thấy vai trò, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án là khác nhau, do đó HĐXX sẽ xem xét áp dụng mức hình phạt khác nhau cho từng bị cáo.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt gồm:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo T có cha (tên Nguyễn Duy T1) được nhà nước tặng thưởng “Huân chương kháng chiến hạng Ba”; bị cáo K có cha (tên Trần Ngọc K1) là bệnh binh, có ông nội (tên Trần Đình H) là liệt sỹ trong kháng chiến chống Pháp. Do đó, các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[7] Xét thấy, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như hình phạt mà mà vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ là 64 (sáu mươi bốn) hộp gỗ Gõ mật, tổng khối lượng: 7,438 m³ (bảy phẩy bốn ba tám mét khối), quy tròn: 11,901 m³ (mười một phẩy chín không một mét khối). Đây là tài sản mà các bị cáo tàng trữ trái phép, có giá trị sử dụng do đó cần tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng Điều 260, Điều 299, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Duy T;

- Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Ngọc K;

2. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy T và Trần Ngọc K phạm tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

3. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T số tiền 60.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc K số tiền 70.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước đối với: 64 (sáu mươi bốn) hộp gỗ Gõ mật, tổng khối lượng: 7,438 m³ (bảy phẩy bốn ba tám mét khối), quy tròn: 11,901 m³ (mười một phẩy chín không một mét khối).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 24/9/2021 giữa Công an thị xã Bến Cát với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

5. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Duy T và Trần Ngọc K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Vũ Phước Thành****THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ****THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thắm

Nguyễn Thanh Phú

Vũ Phước Thành